

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2019/HS-ST
Ngày: 16/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Võ Trần Duy Hinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Zơ Râm Đing.

Ông: Nguyễn Công Bình.

-Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

Bà: Vũ Thị Xuân. Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T; sinh ngày 30 tháng 01 năm 1990; nơi sinh tại huyện H, tỉnh T; nơi cư trú tại Tổ 4, thôn M2, thị trấn M, huyện Ng, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T2, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị L (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Đã bị Tòa án nhân dân huyện N xét xử về Tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 03/2017/HSST ngày 28/02/2017. Đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 04/6/2017 và đã chấp hành xong án án phí từ ngày 03/4/2017; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05 tháng 5 năm 2019. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông: Đào Tiểu L, sinh ngày 21/8/1990; nơi cư trú: Thôn C, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Q. Vắng mặt.

Ông: Nguyễn Quang H, sinh ngày 17/01/1987; nơi cư trú: Tổ 8, thôn D, thị trấn M, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

Ông: Lê Trung T, sinh ngày 07/11/1988; nơi cư trú: Tổ 3, thôn M2, thị trấn M, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

Ông: Lê Văn K, sinh ngày 14/11/1990; nơi cư trú: Tổ 1, thôn P, thị trấn M, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

Ông: Nguyễn Thành D, sinh ngày 22/3/1991; nơi cư trú: Thôn D, thị trấn M, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

Ông: Trần Văn T2, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 4, thôn M2, thị trấn M, huyện N, tỉnh Q. Có mặt.

Người chứng kiến: Ông Ngô Ngọc C, sinh năm 1956; nơi cư trú: Tổ 1, thôn M2, thị trấn M, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 05/5/2019 tại nhà ông Trần Văn T2 thuộc thôn M2, thị trấn M, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Hình sự - Kinh tế - Ma túy Công an huyện N phát hiện Trần Văn T và Đào Tiểu L đang có nhiều biểu hiện nghi vấn nên tiến hành tiếp cận; kiểm tra tại vị trí bị cáo T đang đứng phát hiện 01 (Một) gói giấy bạc màu trắng, tiến hành mở gói giấy bạc đó bên trong có chứa cục chất bột màu trắng là heroine, tiếp tục kiểm tra phát hiện trên nắp xô nhựa màu đỏ đựng đồ dùng gia đình 01 (Một) lưỡi dao lam và các cục chất bột màu trắng là heroine rơi vãi trên nắp xô, kiểm tra người T phát hiện trong túi quần phía trước bên phải T đang mặc có số tiền là 1.330.000 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng. Sau đó thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp phát hiện trên kệ để ti vi bằng bê tông sát đầu giường 01 (Một) gói giấy báo, bên trong có chứa các cục chất bột màu trắng là heroine, phát hiện thêm tại miệng bể nước bên ngoài phía sau nhà bếp 01 (Một) gói nilong được gói bằng 02 (Hai) lớp nilong màu trắng bên trong có chứa các cục chất bột màu trắng là heroine. Trần Văn T khai nhận đang phân ma túy bán cho L với giá 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Qua điều tra Trần Văn T khai nhận: Bắt đầu sử dụng heroine từ năm 2014, hình thức sử dụng là chích, để có ma túy sử dụng cho bản thân thường mua ở huyện Đ và thành phố N. Ngày 02/5/2019, T về ở huyện H, tỉnh T để chơi, tại đây T có nhờ một người đàn ông lạ mặt (không rõ họ tên, lai lịch) mua dùm 01 (Một) gói ma túy với giá 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Tại đây, T lấy ma túy ra sử dụng một ít sau đó gói lại như cũ cất vào túi quần mình đang mặc, bắt xe khách về lại huyện Ng. Đến H, T cũng lấy tiếp gói ma túy đó ra sử dụng. Về đến nhà tại thị trấn M, huyện N, T lấy gói ma túy cất giấu trên miệng bể nước ở bên ngoài phía sau nhà bếp. Từ khi mua ma túy cho đến khi bị bắt, T đã lấy gói ma túy đó ra sử dụng khoảng 13 (Mười ba) đến 14 (Mười bốn) lần. Vào ngày 05/05/2019, Trần Văn T dùng lưỡi lam trích một ít ma túy từ cục ma túy cất giấu ở bể nước, gói trong giấy báo để ở trên kệ để ti vi bằng bê tông sát đầu giường, dùng ly sứ uống trà đầy mục đích tiện sử dụng cho bản thân và bán cho cho các con nghiện. Cùng ngày, Đào

Tiểu L đến gặp T hỏi mua ma túy, T vào buồng lấy ma túy trong gói giấy bạc màu trắng, dùng lưới lam trích một ít ma túy vào nắp xô nhựa màu đỏ để phân ma túy bán cho L thì bị Công an huyện N phát hiện kiểm tra, bắt giữ người cùng tang vật. T khai nhận mục đích mua ma túy là để sử dụng cho bản thân và bán lại cho các con nghiện để kiếm lời, cụ thể bị cáo đã bán ma túy cho Đào Tiểu L 03 (Ba) lần, mỗi lần 01 (Một) gói với giá 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; bán cho Nguyễn Quang H 02 (Hai) lần, mỗi lần một gói với giá 100.000 (Một trăm nghìn) đồng; bán cho Lê Trung T 02 (Hai) lần, mỗi lần 01 (Một) gói với giá 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng; bán cho Lê Văn K 01 (Một) lần 01 (Một) gói với giá 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và bán cho Nguyễn Thành D 02 (Hai) lần, mỗi lần 01 (Một) gói với giá 100.000 (Một trăm nghìn) đồng.

Ông Đào Tiểu L, ông Nguyễn Quang H, ông Lê Trung T, ông Lê Văn K và ông Nguyễn Thành D thừa nhận đã mua ma túy của bị cáo Trần Văn T đúng như lời khai của bị cáo.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (Một) gói giấy bạc màu trắng bên trong có chứa các chất bột màu trắng, 01 (Một) gói giấy báo bên trong có chứa các chất bột màu trắng (thu giữ ở kệ ti vi đầu giường được đập bởi 01 ly sứ uống trà), 01 gói nilong màu trắng bên trong có chứa các chất bột màu trắng (thu giữ ở bể nước bên ngoài phía sau nhà bếp). Tất cả số ma túy trên được dồn chung vào gói giấy A4, gói lại bỏ vào phong bì màu trắng, bên ngoài niêm phong có chữ kí của những người liên quan.

- 1.330.000 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

- 01 (Một) ly sứ uống trà; 01 (Một) lưới lam đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đã qua sử dụng kèm sim điện thoại số 0962 688 664.

Căn cứ Kết luận giám định số 443/C09C(Đ4) ngày 10/5/2019 Phân Viện KHHS, tại TP Đà Nẵng kết luận: Chất rắn màu trắng (dạng cục, bột) gửi giám định là ma túy, có khối lượng mẫu 1,097 gam, loại Heroine. Hoàn lại đối tượng sau giám định là 0,957 gam Heroine.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã bán ma túy cho Đào Tiểu L 03 (Ba) lần, mỗi lần 01 (Một) gói với giá 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; bán cho Nguyễn Quang H 02 (Hai) lần, mỗi lần một gói với giá 100.000 (Một trăm nghìn) đồng; bán cho Lê Trung T 02 (Hai) lần, mỗi lần 01 (Một) gói với giá 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng; bán cho Lê Văn K 01 (Một) lần với giá 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và bán cho Nguyễn Thành D 02 (Hai) lần, mỗi lần 01 (Một) gói với giá 100.000 (Một trăm nghìn), phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện N, tỉnh Q truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS năm 2015). Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện N giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định lại hành vi của bị cáo Trần Văn T có 10 (Mười) lần bán ma túy trái phép; trong đó, bị cáo tự thú 09 (Chín) lần bán ma túy cho Đào Tiểu L, Nguyễn Quang H, Lê Trung T, Lê Văn K, Nguyễn Thành D và 01 (Một) lần bán ma túy cho Đào Tiểu L bị bắt vào ngày 05 tháng 5 năm 2019. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Quá trình điều tra xác định bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện N xét xử về Tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 03/2017/HSST ngày 28/02/2017. Đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 04/6/2017, như vậy, bị cáo chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015. Bên cạnh đó, bị cáo có thành khẩn khai báo; hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 07 (Bảy) năm đến 08 (Tám) năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTTHS năm 2015: Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với số heroine còn lại sau giám định, 01 (Một) lưỡi lam đã qua sử dụng và 01 (Một) ly sứ uống trà đã qua sử dụng và 01 (Một) sim điện thoại số 0962688664; tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đã qua sử dụng là vật Tội dùng để liên lạc bán ma túy và số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do Trần Văn T bán ma túy cho Đào Tiểu L có được; đối với số tiền 1.030.000 (Một triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng là số tiền riêng của Trần Văn T không liên quan đến vụ án, nhưng đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng do Trần Văn T bán ma túy cho Nguyễn Thành D, Lê Văn K, Lê Trung T, Nguyễn Quang H, Đào Tiểu L.

Những vấn đề liên quan trong vụ án: Người đàn ông mà T nhờ mua ma túy dùm do không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên không có cơ sở để xử lý. Riêng các đối tượng Nguyễn Thành D, Lê Văn K, Lê Trung T, Nguyễn Quang H, Đào Tiểu L: Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với ông Trần Văn T2 do không biết việc T bán ma túy tại nhà nên không xem xét, xử lý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên (sau đây viết tắt là KSV) về hướng xử lý những vấn đề liên quan.

Bị cáo không bào chữa và lời nói sau cùng của bị cáo chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra (Sau đây viết tắt là CSĐT) công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện N, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo: HĐXX thấy rằng theo Điều 3 Luật phòng chống ma túy năm 2000 được bổ sung năm 2008 nghiêm cấm các hành vi trái phép về chất ma túy và theo Nghị Định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ Heroin là chất ma túy nằm trong Danh mục I, có tên khoa học là Diacetylmorphin, tuyệt đối cấm sử dụng trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, vì muốn có tiền lời, bị cáo Trần Văn T đã mua ma túy trái phép rồi phân ra để sử dụng và bán cho người nghiện; ngày 05/5/2019, khi T đang bán ma túy cho Đào Tiểu L với giá 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại nhà ông Trần Văn T2 thì bị Cơ quan CSĐT công an huyện N phát hiện và bắt giữ người cùng tang vật. Trần Văn T khai nhận số ma túy bị thu giữ là để sử dụng cho bản thân và bán cho các đối tượng nghiện. Ngoài ra, T còn khai nhận, đã bán ma túy cho Đào Tiểu L 03 (Ba) lần, mỗi lần 01 (Một) gói với giá 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; bán cho Nguyễn Quang H 02 (Hai) lần, mỗi lần một gói với giá 100.000 (Một trăm nghìn) đồng; bán cho Lê Trung T 02 (Hai) lần, mỗi lần 01 (Một) gói với giá 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng; bán cho Lê Văn K 01 (Một) lần (Một) gói với giá 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và bán cho Nguyễn Thành D 02 (Hai) lần, mỗi lần 01 (Một) gói với giá 100.000 (Một trăm nghìn). Như vậy, bị cáo Trần Văn T có hành vi nhiều lần bán trái phép chất ma túy. Tại bản Kết luận giám định số 443/C09C(Đ4) ngày 10/5/2019 Phân Viện KHHS, tại TP Đà Nẵng kết luận: Chất rắn màu trắng (dạng cục, bột) gửi giám định là ma túy, có khối lượng mẫu 1,097 gam, loại Heroine. Vì vậy, HĐXX xét thấy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của BLHS năm 2015 như cáo trạng truy tố và luận tội của KSV là có căn cứ, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo gây ra thì thấy: Ma túy là chất độc gây nghiện nên nhà nước độc quyền quản lý. Bị cáo Trần Văn T đã có hành vi 10 (Mười) lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thành D, Lê Văn K, Lê Trung T, Nguyễn Quang H, Đào Tiểu L. Hành vi của bị cáo là liều lĩnh và rất nghiêm trọng. Bị cáo biết nhà nước nghiêm cấm ma túy nhưng vì mục đích kiếm lời và ý thức xem thường pháp luật mà bị cáo vẫn mua ma túy để bán trái phép cho người khác.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy rằng: Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện N xét xử về Tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 03/2017/HSST ngày 28/02/2017, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 04/6/2017 và chấp hành xong án án phí tù từ ngày 03/4/2017, chưa được xóa án tích nhưng đến ngày 05/5/2019 bị cáo tiếp tục phạm tội do cố ý; như vậy, bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, dù chưa bị phát hiện nhưng đã tự thú những lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thành D, Lê Văn K, Lê Trung T, Nguyễn Quang H, Đào Tiểu L. Ngoài ra, bản thân bị cáo không có tài sản gì, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình do anh ruột và mẹ ruột đã chết. Do đó, cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 như đề nghị của KSV là phù hợp.

[5] Xét về trách nhiệm hình sự do hành vi của bị cáo gây ra, HĐXX thấy: Bị cáo tuy đã thi hành xong bản án trước đó nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Xét về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của BLHS năm 2015 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo không có tài sản, bị cáo là lao động phổ thông, thu nhập không ổn định. Vì vậy, HĐXX thống nhất đề nghị của KSV không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, không tịch thu tài sản cũng không áp dụng các loại hình phạt bổ sung khác với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của BLHS năm 2015 và Điều 106 của BLTTHS: Đối với 0,957 gam Heroin còn lại sau giám định, là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy và toàn bộ bao gói mẫu; tịch thu tiêu hủy 01 (Một) lưỡi lam đã qua sử dụng và 01 (Một) ly sứ uống trà đã qua sử dụng và 01 (Một) sim điện thoại số 0962688664; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đã qua sử dụng là vật bị cáo dùng để liên lạc bán ma túy và số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do Trần Văn T bán ma túy cho Đào Tiểu L có được; truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng do bị cáo bán ma túy cho ông D, ông K, ông T, ông H, ông L mà có; đối với số tiền 1.030.000 (Một triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng là số tiền riêng của Trần Văn T không liên quan đến vụ án, tuy nhiên, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án như đề nghị của KSV.

[8] Những vấn đề liên quan đến vụ án, HĐXX xét thấy:

Người đàn ông mà bị cáo T nhờ mua dùm ma túy: Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên HĐXX không xem xét.

Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đối với ông Nguyễn Thành D, ông Lê Văn K, ông Lê Trung T, ông Nguyễn Quang H, ông Đào Tiểu L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra xác định hành vi của những người trên mua ma túy để sử dụng cho bản thân nên mức độ tính chất của hành vi chỉ vi phạm pháp luật hành chính nên Công an huyện Nam Giang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, HĐXX thấy phù hợp pháp luật.

Đối với ông Trần Văn T2 là bố của bị cáo T, do không biết việc T bán ma túy tại nhà nên HĐXX không xem xét, xử lý.

[9] Xét về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 05 tháng 5 năm 2019.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 của BLHS năm 2015 và Điều 106 của BLTTHS:

+Tịch thu tiêu hủy 0,957 gam Heroin còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 443/C09C(Đ4) của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và bao gói mẫu;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) lưỡi lam đã qua sử dụng, 01 (Một) ly sứ uống trà đã qua sử dụng và 01 (Một) sim điện thoại số 0962688664;

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đã qua sử dụng.

+Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do phạm tội bán ma túy mà có.

+ Truy thu số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng do bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán ma túy mà có.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.030.000 (Một triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Q chuyển giao đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Q tại biên bản lập ngày 20/9/2019).

3. Án phí:

Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an Quảng Nam (PV27);
- Sở Tư pháp Quảng Nam
(Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
 (Đã ký)

Võ Trần Duy Hình

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn Tới phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Zơ Râm Đing

Nguyễn Công Bình

Võ Trần Duy Hình